TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST** Ngày 28/9/2021 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và ông Ngô Gia Khánh
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1980; ĐKHKTT và trú tại: xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1985; ĐKHKTT: xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Tạm trú: xóm 11, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn anh Hoàng Văn Q trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là quê của anh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm việc sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Q nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, gia đình bất hòa, không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, mặc dù được hai bên gia đình thường xuyên khuyên giải nhưng không có kết quả. Vì vậy anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn

nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 và Hoàng Phạm Minh D, sinh ngày 26/4/2015, hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao cả hai con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyệt do hoàn cảnh kinh tế khó khăn

Về tài sản: Anh Q xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Phạm Thị N trong bản tự khai trình bày :

Về thời gian điều kiện kết hôn chị xác định như anh Q đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không thay đổi. Do vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Nay anh Q yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị N cũng xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 và Hoàng Phạm Minh D, sinh ngày 26/4/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012, thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị N khi bố mẹ ly hôn.

Do bận công việc và tình hình dịch bệnh phức tạp, không thể tham gia phiên tòa nên anh Q và chị N có đơn xin xét xử vắng mặt

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Sơn về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa Anh Hoàng Văn Q và chị Phạm Thị N; giao chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 và Hoàng Phạm Minh D, sinh ngày 26/4/2015; Anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Anh Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng Văn Q khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Phạm Thị N, cư trú tại xóm 11, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Q và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Q xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, bất đồng lối sống nên thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Dù đã được 2 bên gia đình thường xuyên khuyên giải nhưng không có kết quả.

Về phía chị N, chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế, anh Q chơi bời, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Q không thay đổi. Chị N và anh Q đều khẳng định vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa và nhất trí ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh Q và chị N tại UBND xã K là nơi chị Nguyệt cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận không nắm rõ được nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng anh Q chị N xảy ra mâu thuẫn là gì, năm 2019, chị N chuyển về xã K để sinh sống, không chung sống cùng anh Q.

Như vậy anh Q, chị N đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trong quá trình chung sống với nhau và nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Q yêu cầu ly hôn và chị N cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh Q, chị N hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh Q giải quyết ly hôn chị N là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh Q và chị N đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 và Hoàng Phạm Minh D, sinh ngày 26/4/2015. Về phía anh Q, khi ly hôn anh yêu cầu để chị N tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và do hoàn cảnh khó khăn nên anh không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị N cũng có quan điểm nhất trí với đề xuất của anh Q

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung đều ở với chị N, do chị N nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng là Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị N khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo việc sinh hoạt, học tập ổn định cũng như tôn trọng ý kiến của con chung thì việc giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng theo đề xuất của anh chị là phù hợp

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N trong quá trình làm việc với Tòa án đã được giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu anh Q phải đóng

góp, bản thân anh Q hoàn cảnh khó khăn nên không đóng góp tiền nuôi con, do vậy việc giao cả 2 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, được chấp nhận

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Hoàng Văn Q và chị Phạm Thị N.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Phạm Minh V, sinh ngày 31/5/2012 và Hoàng Phạm Minh D, sinh ngày 26/4/2015. Anh Q không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Hoàng Văn Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2609 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh